TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 -8 -2023
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan

2. Ông Dương Công Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2023/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc tranh chấp*"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T T T P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp 7, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: Ông N V T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 7, xã X, huyện Y, tỉnh Z.

(Các đương có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà T T T P trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Bà và ông N V T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M Q, huyện N N, tỉnh S T.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp 7, xã X, huyện Y, tỉnh Z. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, chơi cờ bạc gây nợ nần nhiều lần. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên vợ chồng đã ly thân 01 năm nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N V T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T chung sống có 01 con chung tên N P D, sinh ngày 16/9/2011. Khi ly hôn, bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông N V T trình bày: Ông xác định về thời gian điều kiện kết hôn, bà P trình bày là đúng. Về tình trạng hôn nhân,thì vợ chồng sống vẫn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Thỉnh thoảng vợ chồng hay buồn phiền vì kinh tế tiền bạc. Trước đây ông có chơi cờ bạc và gây nợ nần nhưng đã bỏ được 1 năm nay, nên bà P xin ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên N P D, sinh ngày 16/9/2011. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T T T P khởi kiện ly hôn với ông N V T. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "*Ly hôn",* thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Về nội dung tranh chấp:

[2] Bà T T T P và ông N V T xác lập quan hệ vợ chồng năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M Q, huyện N N, tỉnh S T theo giấy đăng ký kết hôn số 65, quyển số 01, ngày 21/6/2011. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông N V T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T xuất phát từ việc ông T không phụ chăm lo kinh tế gia đình, chơi cờ bạc gây nợ nần dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong thời gian ly thân thì giữa bà P và ông T cũng không có sự quan tâm, hàn gắn tình cảm. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được những biện pháp để hàn gắn, đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T T T P.

[4] Về nuôi con chung: Bà P và ông T có 01 con chung tên N P D, sinh ngày 16/9/2011 hiện đang sống cùng bà P. Cháu D đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng

sống với mẹ, và bà P hiện nay cũng đang làm công nhân, có thu nhập ổn định nên bà P yêu cầu nuôi con là có căn cứ.

[5] Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến, ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

[[6] Về tài sản chung: Bà P, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về nợ chung: Bà P, ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T T T P phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T T T P với ông N V T.

Cho bà T T T P được ly hôn với ông N V T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung N P D, sinh ngày 16/9/2011 cho bà T T T P trực tiếp nuôi dưỡng, ông N V T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà T T T P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0009495 ngày 17/02/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã M Q;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền